

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-PT
Ngày 11 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1988. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thanh Hải, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Đinh Hồng D, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Võ Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Đinh Hồng D, sinh năm 1981 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2021, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày: Ngày 25/10/2018 (âm lịch) chị Đinh Hồng D vay của chị số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có viết giấy vay tiền; không thỏa thuận thời hạn trả. Chị D đóng tiền lãi được 12 tháng bằng số tiền 9.000.000 đồng. Từ tháng 11 năm 2019 chị D không đóng tiền lãi và cũng không trả tiền vốn. Chị D trực tiếp đến nhà để hỏi vay tiền, ngoài chị và chị D thì không có ai khác chứng kiến, chị D xác định vay tiền để nuôi tôm công nghiệp của gia đình. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị D trả nợ nhưng chị D không trả. Nguồn tiền của mẹ ruột là bà Huỳnh Thị L cho cá nhân chị vào năm 2017, chị D xác định vay để sử dụng trong gia đình nên yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền lãi chị D đã đóng thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ngày 03/7/2019 (âm lịch) chị và anh T có cho chị D, anh H1 vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả; khi chị D vay số tiền này thì có mặt anh T chứng kiến, đây là nguồn tiền chung của vợ chồng; biên nhận nợ anh T không ký tên. Sau khi vay tiền chị D trả được tiền vốn là 5.000.000 đồng; có đóng tiền lãi nhưng không nhớ là bao nhiêu; chị và anh T có nợ tiền hụi chết của chị D là 7.000.000 đồng nên hai bên thỏa thuận đối trừ, còn lại 13.000.000 đồng. Đến ngày 22/01/2021 (âm lịch) anh T có ký tên nhận của chị D số tiền 13.000.000 đồng là chị D đã thanh toán xong cho khoản nợ 25.000.000 đồng. Chị không có nhận của chị D số tiền 30.000.000 đồng như lời chị D trình bày. Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng chị D đã trả xong nên chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đinh Hồng D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 là chị Ngô Thị Bích T trình bày: Ngày 25/10/2018 (âm lịch), chị D có vay của Chị H, anh T số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, lãi suất 5%/tháng, chị D có ký tên biên nhận; chị D đã đóng tiền lãi 30.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. Việc thỏa thuận vay tiền có mặt chị, Chị H và anh T nhưng anh T không có ký tên vào biên nhận. Nay Chị H xác định chỉ mình Chị H cho vay tiền thì chị D không đồng ý.

Ngày 25/10/2019 (âm lịch), chị D trả cho Chị H 30.000.000 đồng, nhưng không làm biên nhận, không ai khác chứng kiến, sau đó chị D có gặp anh T nói lại, anh T cũng không có ý kiến gì; còn nợ lại 20.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đối trừ tiền hụi chết anh T, Chị H còn nợ là 7.000.000 đồng; còn lại 13.000.000 đồng chị D trả cho anh T ngày 22/01/2021, anh T có ký tên vào biên nhận. Ngoài ra, chị D có cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị D với anh T, anh T cũng thừa nhận chị D trả 13.000.000 đồng nữa là hết nợ. Như vậy, số tiền 50.000.000 đồng

đã trả xong cho anh T và Chị H nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Chị H. Việc thỏa thuận vay tiền và nhận tiền là cá nhân chị D thực hiện, anh H1 không biết và không sử dụng tiền vay nên không đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của Chị H.

Ngoài ra, ngày 03/7/2019 (âm lịch), chị D có vay của anh T và Chị H số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng; hai bên có làm Biên nhận vay tiền ngày 03/7/2019. Sau khi vay tiền chị D đã đóng tiền lãi cho Chị H 15.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận. Đến ngày 25/10/2020 (âm lịch) chị D đã trả 25.000.000 đồng cho Chị H nhận, chị D có yêu cầu Chị H viết biên nhận nhưng Chị H xác định biên nhận nợ Chị H đã làm mất nên Chị H không viết biên nhận cho chị D; sau đó chị D có gặp anh T nói đã trả cho Chị H 25.000.000 đồng và anh T cũng không có ý kiến gì. Do đó, Chị H và anh T xác định chị D trả cho Chị H 5.000.000 đồng là không đúng vì chị D không trả số tiền này cho Chị H; còn số tiền hui 7.000.000 đồng và 13.000.000 đồng Chị H, anh T xác định chị D trả cho số tiền nợ 25.000.000 đồng là không đúng.

Chị D đã trả tiền lãi cho Chị H 30.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh và Chị H xác định chị D có trả cho Chị H 5.000.000 đồng nhưng chị D không thừa nhận. Do đó, chị D không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh T trình bày: Anh không biết Chị H có cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng, khi Chị H khởi kiện ra Tòa án thì anh mới biết. Đây là giao dịch giữa Chị H với chị D, nguồn tiền là của cá nhân Chị H nên anh không có yêu cầu hay ý kiến gì. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H thì yêu cầu Tòa án chỉ buộc chị D trả cho Chị H, không yêu cầu trả cho anh.

Ngày 03/7/2019 anh và Chị H có cho chị D vay số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có viết biên nhận, biên nhận chỉ thể hiện tên người cho vay là Võ Thị H nhưng nguồn tiền là của vợ chồng; lãi suất là 5%/tháng; sau khi vay chị D có đóng tiền lãi nhưng không nhớ bao nhiêu.

Anh và chị D có tham gia chơi hui do chị D làm chủ, còn nợ chị D 7.000.000 đồng tiền hui chết nên trừ qua tiền vay của số tiền 25.000.000 đồng nêu trên, sau đó chị D có trả 5.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng thì chị D trả vào ngày 22/01/2021, anh ký tên vào biên nhận do chị D viết. Như vậy, các số tiền nêu trên chị D trả cho khoản vay 25.000.000 đồng, chứ không phải trả cho khoản vay 50.000.000 đồng như lời chị D trình bày. Chị D không lần nào nói với anh là đã trả cho Chị H 30.000.000 đồng và 25.000.000 đồng như lời chị D trình bày. Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng chị D đã trả xong nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đoạn ghi âm do chị D cung cấp đúng là giọng nói của anh và số tiền 13.000.000 đồng anh nhận trong đoạn ghi âm là chị D trả cho số tiền vay 25.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H đối với chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H.

Buộc chị Đinh Hồng D, anh Nguyễn Văn H trả cho chị Võ Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm T hành án và quyền yêu cầu T hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 01 năm 2022, bị đơn chị Đinh Hồng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H nộp trong thời hạn luật định, và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy chị Đinh Hồng D thừa nhận có vay của Chị H số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 25/10/2018 (âm lịch) và số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 03/7/2019 (âm lịch). Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D cho rằng đối với khoản vay 50.000.000 đồng, chị đã thanh toán lãi được 30.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận và đến ngày 25/10/2019 (âm lịch), chị D đã trả cho Chị H số tiền vay gốc 30.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận, cũng không ai chứng kiến, còn lại 20.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đối trừ số tiền hui chết anh T, Chị H còn nợ 7.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng chị cũng đã thanh toán cho anh T chồng Chị H nên không còn nợ Chị H. Đối với khoản vay 25.000.000 đồng, chị D đã thanh toán lãi 15.000.000 đồng và cũng đã trả nợ gốc 25.000.000 đồng. Xét thấy, khi chị D thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho Chị H thì không làm biên nhận và cũng không nhận lại các biên nhận vay tiền, phía Chị H chỉ thừa nhận đối với khoản vay 25.000.000 đồng chị D thanh toán xong, riêng khoản vay 50.000.000 đồng thì chị D còn nợ lại. Chị D có cung cấp biên nhận ngày 22/01/2021 thể hiện nội dung: *“Tôi Đinh Hồng D tôi có hỏi tiền của ông Võ Minh T nhiều lần và cũng có làm giấy tôi có trả nhiều lần mà không có lấy giấy lại; tới thời điểm này là tôi còn nợ ông Trung số tiền 13.000.000 đồng nay ngày 22/01/2021 tôi trả cho ông nữa là dứt giữa tôi và ông không còn nợ nần gì nhau nữa”*. Ngoài ra, chị D cung cấp đoạn ghi âm thể hiện hai bên chốt nợ là chị D còn nợ anh T 20.000.000 đồng, trừ bảy lần hui chết, còn lại 13.000.000 đồng. Xét thấy, giấy vay tiền ngày 25/10/2018 âm lịch chỉ mình Chị H ký tên cho vay, anh T không cùng ký tên. Chị H xác định số tiền 50.000.000 đồng là do mẹ ruột là bà Huỳnh Thị L cho riêng cá nhân chị, không phải tiền chung của chị và anh T, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà L tại biên bản xác minh ngày 22/10/2022. Anh T cũng xác định anh không biết việc vay tiền giữa Chị H với chị D, không có lần nào chị D nói với anh là đã trả cho Chị H 30.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng là của cá nhân Chị H. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 50.000.000 đồng là của cá nhân Chị H, do chị D chưa thanh toán nên chị D phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Chị H.

Anh H1 kháng cáo cho rằng vay tiền của chị D nhưng cấp sơ thẩm lại buộc anh có nghĩa vụ L đối trả nợ là không đúng. Xét thấy, thời điểm chị D vay tiền thì anh và chị D còn chung sống với nhau, tuy anh H1 không trực tiếp vay tiền của chị D, nhưng mục đích vay là để nuôi tằm phát triển kinh tế chung của gia đình, đóng tiền điện, chi tiêu sinh hoạt gia đình nên khi chị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh H1 phải có trách nhiệm cùng chị D trả số tiền nợ Chị H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H; chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H đối với chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H.

Buộc chị Đinh Hồng D, anh Nguyễn Văn H1 trả cho chị Võ Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án cho đến khi T hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H1 phải chịu số tiền 2.500.000 đồng, nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Võ Thị H không phải chịu án phí. Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0001595 ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chi cục T hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); chị Đinh Hồng D và anh Nguyễn Văn H1 mỗi người đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0002025 và 0002026 cùng ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự;

thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều